

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 6 -2023
“V/v tranh chấp dân sự hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

;

2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023.và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng HTX Việt Nam; địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà N04, Hoàng Đạo Thúy, Phường TH, Quận CG, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng HTX Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H – Giám đốc Ngân hàng HTX Việt Nam, chi nhánh An Giang (theo Quyết định số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng HTX Việt Nam, về việc ủy quyền tham gia tố tụng).

Ông H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn C1- Cán bộ tín dụng Ngân hàng HTX Việt Nam, chi nhánh An Giang (theo giấy ủy quyền số 11/2023/GUQ-CNAG

ngày 06/4/2023 của Giám đốc Ngân hàng HTX Việt Nam, chi nhánh An Giang).
(có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1969 (chết); cư trú: Số 7, KDC LB, khóm TK, thị trấn LB, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T:* Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1972; Ông **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1997; cùng cư trú: Số 7, KDC LB, khóm TK, thị trấn LB, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (bà N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng trình bày:

Ngày 22/02/2019, ông Nguyễn Hoàng T - là giáo viên công tác tại trường Trung học cơ sở LB và Ngân hàng HTX Việt Nam - Chi nhánh An Giang ký kết hợp đồng cho vay số TD57700038 với số tiền vay: 200.000.000 đồng, mục đích sử dụng phục vụ sinh hoạt đời sống, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 22/02/2019 đến ngày 22/02/2024), mức lãi suất vay: 11,04%/năm (0,9%/tháng). Nguồn trả nợ từ lương, phụ cấp khác. Khi vay ông T có mua bảo hiểm vay vốn theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 33190001829 do công ty bảo hiểm BIDV Miền Tây cấp ngày 22/02/2019 có hiệu lực đến ngày 22/02/2024.

Ngày 19/11/2019, ông T chết do bệnh. Ngày 27/11/2019, cán bộ ngân hàng có làm việc với bà N (vợ ông T) và trường Trung học cơ sở LB về việc thu hồi nợ vay, bà N xác nhận khoản nợ và đề nghị Ngân hàng hỗ trợ xử lý phân bảo hiểm tiền vay, nếu tiền bảo hiểm vay không đủ thì bà xin Ngân hàng bỏ phần lãi, phần nợ gốc sẽ trả dần hàng tháng. Còn tiền bảo hiểm xã hội của ông T bà đã nhận nhưng không dùng để trả nợ vay vì lo tang chế cho ông T và dùng vào sinh hoạt gia đình. Ngày 02/01/2020, Ngân hàng HTX Việt Nam chi nhánh An Giang và bà N đã hoàn thiện hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi gửi đến Công ty bảo hiểm BIDV Miền Tây. Ngày 25/02/2020, công ty Bảo hiểm BIDV Miền Tây có công văn xác định phạm vi bảo hiểm của BIC đối với trường hợp tử vong của ông Nguyễn Hoàng T là không xem xét giải quyết quyền lợi do thuộc điểm loại trừ tại khoản 7, phần IV Quy tắc bảo hiểm của Tổng Công ty bảo hiểm BIDV.

Đến ngày 31/3/2020, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, bà N chỉ trả nợ gốc số tiền: 5.000.000 đồng

và đến nay không thanh toán nữa. Nay yêu cầu người thừa kế của ông Nguyễn Hoàng T là bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Đăng K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng HTX Việt Nam khoản nợ gốc: 164.760.000 đồng, tiền lãi tính đến 30/11/2022 là: 72.584.925 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tòa án đã thực hiện thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận cách giải quyết vụ án nhưng ông K vắng mặt, vì vậy không thể tiến hành hòa giải. Tại phiên hoà giải, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà N có mặt thừa nhận ông T có vay và còn nợ Ngân hàng. Bà có trả tiền vốn được 05 lần mỗi lần 1.000.000 đồng. Xác nhận tính đến ngày 17/5/2023 còn nợ : 251.466.437 đồng gồm vốn, lãi. Nay bà đề nghị ngân hàng bỏ phần tiền lãi, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng và đề nghị xem xét không buộc ông K phải cùng có nghĩa vụ trả nợ chung.

Tại phiên tòa, ông C1 trình bày: Tính đến thời điểm hiện tại, những người thừa kế của ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ đến hạn gồm vốn gốc: 164.760.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày xét xử là 89.298.360 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 17/6/2023 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Xác định yêu cầu bà N và ông K cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ trên, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bà N có mặt, thống nhất về số nợ như Ngân hàng công bố, xin xem xét bỏ phần tiền lãi còn vốn gốc thì xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thời hiệu - thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng HTX Việt Nam khởi kiện, yêu cầu người thừa kế của ông T là bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Đăng K có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền vay còn thiếu, bị đơn có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[3] *Nội dung vụ án:* Do cần tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình nên ngày 22/02/2019 ông T có ký kết hợp đồng cho vay số TD57700038 với Ngân hàng HTX – chi nhánh An Giang để vay số tiền 200.000.000 đồng. Hình thức vay tín chấp và thanh toán từ lương, các khoản trợ cấp khác. Thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân 22/02/2019, lãi suất vay trong hạn 11,04%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất lãi chậm trả bằng 6%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Do ông T vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà N và ông K (là vợ, con ông T) thanh toán khoản nợ gồm tiền vốn gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

[4] *Xét về hình thức:* Giao dịch dân sự về việc cấp tín dụng kiêm phương án trả nợ vay giữa các đương sự có lập thành văn bản và được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đồng thời không vi phạm những quy định về hạn chế cấp tín dụng cũng như không vượt giới hạn cấp tín dụng nên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 282, 386, 387, 388 của Bộ luật dân sự, các Điều 98, 127 và 128 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] *Về nghĩa vụ trả nợ, lãi suất và số tiền phải trả:*

[5.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào chứng cứ do đại diện Ngân hàng giao nộp, biên bản hoà giải ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú và diễn biến tại phiên tòa, bà N thừa nhận vợ chồng bà có làm phương án vay tiền, sử dụng tiền vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, ông T (đã chết) hiện còn nợ tiền vốn và lãi với ngân hàng và bà cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ này. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp này là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh do được các đương sự thừa nhận.

Ông T chết không để lại di chúc, di sản của ông là $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung của ông với bà N và người thừa kế theo pháp luật là bà N, ông K có các quyền, nghĩa vụ đối với khối di sản này.

Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự 2015, buộc đồng thừa kế của ông T là bà N và ông K cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên trong phạm vi di sản thừa kế của ông T là phù hợp.

[5.2] Về số tiền vốn: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn nợ: 164.760.000 đồng tiền vốn gốc. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc bà N, ông K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 164.760.000 đồng.

[5.3] Về lãi suất: Tại Hợp đồng cho vay số: TD57700038 ngày 22/02/2019 thể hiện mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận khi ký kết hợp đồng là phù hợp

với quy định của pháp luật, do vậy không cần phải điều chỉnh lại. Về lãi suất lãi chậm trả là 6%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì việc tính lãi này không vi phạm.

[5.4] Về việc tính lãi và số tiền phải trả: Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tính lãi đối với số nợ gốc đến ngày xét xử (16/6/2023) là 89.298.360 đồng và buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc còn lại kể từ ngày 17/6/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay ngày 22/02/2019 cho đến ngày tất toán là có căn cứ nên chấp nhận.

Như vậy, số tiền mà bà N, ông K phải trả gồm: 164.760.000 đồng vốn + 89.298.360 đồng tiền lãi = 254.058.360 đồng.

[6] *Về thời gian, phương thức thanh toán*: Sẽ được xem xét, giải quyết tại giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp. Bà N, ông K cùng có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 615 và 688 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng HTX Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Đăng K cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng HTX Việt Nam số tiền: 254.058.360 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2023, bà N, ông K còn phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: TD57700038 ký kết ngày 22/02/2019 giữa ông T với Ngân hàng trên dư nợ gốc còn lại cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí: Bà N, ông K phải chịu 12.703.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 5.934.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008137 ngày 02 tháng 3 năm 2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được

quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS H.AP (2);
- THA H.AP (2);
- Các đương sự (3);
- Lưu HS + VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bảo